



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 19 + 20

Ngày 15 tháng 09 năm 2022

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HĐND TỈNH

31/08/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 40/2022/NQ-HĐND quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ (Đăng từ Công báo số 19 + 20 và Công báo số 21)	2
------------	---	---

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2022/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 31 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Xét Tờ trình số 151/TTr-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 315/BC-VHXX ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ, như sau:

1. Quy định về khoảng cách xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày:

a) Nhà ở xa trường, khoảng cách từ nhà đến trường từ 04 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 07 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở, từ 10 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông.

b) Nhà ở xa trường, khoảng cách từ nhà đến trường từ 01 km trở lên đến dưới 04 km đối với học sinh tiểu học; từ 02 km trở lên đến dưới 07 km đối với học sinh trung học cơ sở; từ 05 km trở lên đến dưới 10 km đối với học sinh trung học phổ thông do địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: phải qua hồ, sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá có thể gây nguy hiểm, mất an toàn đối với học sinh.

2. Địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày là các xã, bản đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của pháp luật.

(có Phụ lục số 01, số 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2021 của HĐND tỉnh Sơn La quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, kỳ họp Chuyên đề lần thứ tám thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 9 năm 2022 ./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH; Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài Chính; Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- TT HĐND; UBND; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Đoàn thể của tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, ĐBQH - HĐND, UBND tỉnh;
- TT huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, MTTQVN các huyện, thành phố;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Các Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, N.Linh.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục số 01

**DANH SÁCH CÁC XÃ, BẢN LÀM CĂN CỨ XÁC ĐỊNH HỌC SINH KHÔNG THỂ ĐI ĐẾN TRƯỜNG VÀ TRỞ VỀ NHÀ TRONG
NGÀY ĐỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ**

Kèm theo Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh)

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 19 + 20/Ngày 15-09-2022							
STT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực III hoặc bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú	
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)		
1	2	3	4	5	6	7	
A	Các trường học trên địa bàn thành phố Sơn La: Gồm 67 lượt xã, 108 lượt bản						
(*)	Trường THPT Chiềng Sinh: Gồm 10 lượt xã, 11 lượt bản						
1	Huyện Mai Sơn: Gồm 06 lượt xã, 07 lượt bản						
I	Xã Mường Bằng	I			Trường THPT Chiềng Sinh		
1	Bản Quỳnh Châu	ĐBKK			19		
II	Xã Chiềng Mung	I					
1	Bản Lo	ĐBKK			11		
III	Xã Nà Ót	III					
1	Bản Ốt Chả				50		
2	Bản Trạm Hìn				42	Trước là 02 bản: Trạm Cọ và Hìn Đón	
IV	Xã Chiềng Kheo	III					
1	Bản Có Tỉnh				20		
V	Xã Chiềng Ve	III					
1	Bản Púng				18		

[illegible]

[illegible]

[illegible]

1	Bản Sài Khao						14		
2	Huyện Sông Mã: Gồm 01 xã, 04 lượt bản								
I	Xã Nậm Ty		III						
1	Bản Mòn						60		
2	Bản Nà Há						60		
3	Bản Nà Mện						50		
4	Bản Xẻ						45		
3	Huyện Thuận Châu: Gồm 10 lượt xã, 31 lượt bản								
I	Xã Chiềng Pắc		III						
1	Bản Chiềng Pắc						20		
II	Xã Muối Nội		III						
1	Bản Muối Nội						12		
2	Bản Thán Sàng						17		
3	Bản Muối Nội A						10		
4	Bản Ngồng						16		
5	Bản Sắng Sang						12		
6	Bản Bó						10		
III	Xã Bon Phặng		III						
1	Bản Tát						16		
2	Bản Nong Ồ						16		
3	Bản Lầy						15		
4	Bản Bon						25		
IV	Xã Bản Lầm		III						
1	Bản Hiềm						30		
2	Bản Lầm						20		
3	Bản Bướng Khoang						20		

10	Bản Huổi Sàng				10	100	
11	Bản Phiêng Khôm				16	106	
12	Bản Nà Phằng (Bản Nà Phẳng)				17	108	
13	Bản Huổi Lấp		20		22	112	
14	Bản Nhụng Trên					91	
15	Bản Nhụng Dưới					90	
				Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cầm (Tiểu học)	Trường PTDTBT TH- THCS Phiêng Cầm (THCS)	Trường THPT Chu Văn Thịnh	
16	Bản Huổi Do					73	
17	Bản Phiêng Thẩm					75	
18	Bản Pá Hóc		30		30	35	
19	Bản Hua Pư					84	
20	Bản Phé					43	
21	Bản Cho Coong					39	
22	Bản Co Hỉnh				12	66	
23	Bản Bàng Ban					66	
24	Bản Sài Khao					71	
25	Bản Huổi Sàng					70	
26	Bản Phiêng Khôm					76	
27	Bản Nà Phẳng					78	
28	Bản Huổi Lấp					82	
29	Bản Nhụng Trên		21		21	61	Bổ sung năm học 2022 – 2023 (cấp TH, THCS)
30	Bản Nhụng Dưới		21		21	60	Bổ sung năm học 2022 - 2023 (cấp TH)
						Trường THPT Cò Nòi	
31	Bản Huổi Do					85	13

32	Bản Phiêng Thẩm						87		
33	Bản Pá Hắc						75		
34	Bản Hua Pư						99		
35	Bản Phé						50		
36	Bản Cho Cong (Bản Cho Coong)						51		
37	Bản Co Hinh						78		
38	Bản Bằng Ban						79		
39	Bản Sài Khao						83		
40	Bản Huổi Sàng						82		
41	Bản Phiêng Khôm						88		
42	Bản Nà Phặng (Bản Nà Phăng)						90		
43	Bản Huổi Lấp						94		
44	Bản Nhụng Trên						79		
45	Bản Nhụng Dưới						78		
II	Xã Chiềng Ve	III				Trường TH-THCS Chiềng Ve	Trường THPT Mai Sơn		
1	Bản Púng					10	37		
2	Bản Vuông Mè						32		
3	Bản Sươn Mè						30		
4	Bản Khiềng					8	21		
5	Bản Thẩm					10	26		
						Trường TH-THCS Chiềng Kheo			
6	Bản Púng (Khu Púng Mùa)					7		Điều chỉnh năm 2021: 8	km
							Trường THPT Chu Văn Thỉnh		
7	Bản Púng						12		
8	Bản Vuông Mè						15		

9	Bản Sườn Mè						16	
10	Bản Khiềng						19	
11	Bản Thảm						21	
							Trường THPT Cồ Nôi	
12	Bản Púng						47	
13	Bản Vuông Mè						43	
14	Bản Sườn Mè						42	
15	Bản Khiềng						36	
16	Bản Thảm						41	
III	Xả Nà Ốt	III	Trường PTDTBT TH – THCS Nà Ốt (Tiểu học)	Trường PTDTBT TH- THCS Nà Ốt (THCS)	Trường THPT Mai Sơn			
1	Bản Lụng Cuông		20	20	76			
2	Bản Trạm Hìn		13	16	42			
3	Bản Xà Vịt			10	66			
4	Bản Nà Un		14	14	70			
5	Bản Ốt Chả		7	7	49			
6	Bản Pá Sung		18	18	50			
7	Bản Lọ Dên		8	8	52			
8	Bản Xà Kìu		4		48			
9	Bản Há Sét		8		50			
10	Bản Nặm Lanh		5		49			
11	Bản Nà Hạ				47			
					Trường THPT Chu Văn Thịnh			
12	Bản Lụng Cuông				46			
13	Bản Trạm Hìn				14			
14	Bản Xà Vịt				37			15

15	Bản Nà Un					40			
16	Bản Ốt Chả					20			
17	Bản Pá Sung					21			
18	Bản Lọ Dên					22			
19	Bản Xà Kìa					19			
20	Bản Há Sét					28			
21	Bản Nặm Lanh					21			
22	Bản Nà Hạ					19			
						Trường THPT Cồ Nòi			
23	Bản Lụng Cuông					50			
24	Bản Trạ Hìn					48			
25	Bản Xà Vít					43			
26	Bản Nà Un					33			
27	Bản Ốt Chả					34			
28	Bản Pá Sung					46			
29	Bản Lọ Dên					32			
30	Bản Xà Kìa					37			
31	Bản Há Sét					36			
32	Bản Nặm Lanh					45			
33	Bản Nà Hạ					37			
IV	Xã Chiềng Kheo	III	Trường TH-THCS Chiềng Kheo (điểm trường Cồ Tình)	Trường TH-THCS Chiềng Kheo	Trường THPT Mai Sơn				
1	Bản Páng Sắng (Bản Páng Sắng B)		9	10	44				HS cấp TH do điểm trường ít học sinh về điểm trường Cồ Tình (trung tâm) để học

2	Bản Buốt Vắn	7	8	38	HS cấp TH do điểm trường sinh về điểm trường Có Tình (trung tâm) đề học	ít học
3	Bản Nà Viên	8	9	36	HS cấp TH do điểm trường sinh về điểm trường Có Tình (trung tâm) đề học	ít học
4	Bản Lon Kéo			31		
5	Bản Có Tình			35		
				Trường THPT Chu Văn Thịnh		
6	Bản Buốt Vắn			13		
7	Bản Nà Viên			11		
8	Bản Páng Sắng (Bản Páng Sắng B)			15		
				Trường THPT Cò Nòi		
9	Bản Lon Kéo			47		
10	Bản Có Tình			51		
11	Bản Buốt Vắn			50		
12	Bản Nà Viên			49		
13	Bản Páng Sắng (Bản Páng Sắng B)			54		
V	Xã Tà Hộc	III	Trường TH-THCS Tà Hộc (Tiểu học)	Trường TH-THCS Tà Hộc (THCS)	Trường THPT Mai Sơn	
1	Bản Hộc		8	8	30	Xóm Châu- Bản Hộc
2	Bản Mòng		7	7	25	
3	Bản Bơ		20	20	42	
4	Bản Pon		11	11	34	
5	Bản Mường		16	16	38	
6	Bản Pá Nó		10	10	35	
7	Bản Pá Hóc		17	17	40	

8	Bản Pù Tên	14	14	32	Trưởng THPT Chu Văn Thịnh
9	Bản Hộc			60	
10	Bản Mòng			55	
11	Bản Pá Nó			72	
12	Bản Mường			64	
13	Bản Bơ			68	
14	Bản Pon			64	
15	Bản Pù Tên			62	
16	Bản Pá Hóc			70	
				Trưởng THPT Cò Nòi	
17	Bản Hộc			40	
18	Bản Mòng			35	
19	Bản Pá Nó			45	
20	Bản Mường			48	
21	Bản Bơ			52	
22	Bản Pon			44	
23	Bản Pù Tên			42	
24	Bản Pá Hóc			50	
VI	Xã Chiềng Lương	III	Trưởng TH-THCS Chiềng Lương (Tiểu học)	Trưởng TH-THCS Chiềng Lương (THCS)	Trưởng THPT Mai Sơn
1	Bản Phiêng Nọi			10	32
2	Bản Kéo Lôm			8	30
3	Bản Thảm Pháng		10	10	32
4	Bản Búa Bon		8	8	30

29	Bản Lạn Quỳnh						59		
30	Bản Phú Lương						54		
31	Bản Táng						57		
32	Bản Lũng Tra						61		
33	Bản Buôm Khoang						60		
34	Bản Thảm Phẳng						62		
35	Bản Búa Bon						60		
36	Bản Kéo Lồm						60		
37	Bản Phiêng Nọi		5,5		10		62		
38	Bản Nà Rằm						65		
				Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Pằn (Tiểu học)			Trường THPT Cò Nòi		
39	Bản Lạn Quỳnh						20		
40	Bản Lũng Tra						15		
41	Bản Ý Luồng						17		
42	Bản Phú Lương						10		
43	Bản Chi 1						10		
44	Bản Chi 2						10		
45	Bản Oi						18		
46	Bản Lù						20		
47	Bản Thảm Phẳng						30		
48	Bản Búa Bon						18		
49	Bản Nà Rằm						14		
50	Bản Táng						20		
51	Bản Phiêng Nọi						30		
52	Bản Kéo Lồm			4			17		

53	Bản Buồm Khoang						20		
54	Bản Mồn 1						12		
55	Bản Mồn 2						12		
						Trường TH-THCS Chiềng Kheo			
56	Bản Phiêng Nọi			55		55			Bố mẹ ly hôn. Học sinh ở với mẹ tại nhà ông bà ngoại cư trú tại xã Chiềng Kheo, học tại trường Tiểu THCS Chiềng Kheo (bỏ học năm 2022 - 2023)
VII	Xã Phiêng Cầm		III			Trường Tiểu học Phiêng Cầm 2		Trường THPT Mai Sơn	
1	Bản Lọng Hỏm			8			78		
2	Bản Bon Trỏ			4			74		
3	Bản An Mạ			4			73		
4	Bản Thẳm Hưn			6			76		
5	Bản Huổi Thùng			20			89		
6	Bản Co Muông			6			76		
7	Bản Huổi Thươn			6			76		
8	Bản Pú Tậu			29			98		
9	Bản La Va			8			78		
10	Bản Nong Tàu Thái (bản Nong Tàu Thái)						70		
11	Bản Nong Tàu Mông (bản Nong Tàu Mông)						68		
12	Bản Nặm Pút						73		
13	Bản Lọng Nghiu						74		
14	Bản Tang Lương						70		
15	Bản Hua Nà						70		
16	Bản Phiêng Mụ						65		
									21

17	Huổi Nhả Thái						67	
18	Bản Củ						70	
19	Bản Xà Nghè						72	
20	Bản Nong Nghè						70	
21	Bản Huổi Nhả						69	
22	Bản Phiêng Phụ						74	
23	Bản Xà Liệt						70	
							Trường THPT Chu Văn Thịnh	
24	Bản Xà Liệt						40	
25	Bản Phiêng Phụ						44	
26	Bản Huổi Nhả						39	
27	Bản Nong Tàu Thái (bản Nong Tàu Thái)						40	
28	Bản Nong Tàu Mông (bản Nong Tàu Mông)						38	
29	Bản Nong Nghè						40	
30	Bản Xà Nghè						42	
31	Bản Củ						40	
32	Bản Huổi Nhả Thái						37	
33	Bản Phiêng Mụ						35	
34	Bản Tang Lương						40	
35	Bản Lọng Nghị						44	
36	Bản Co Muông						46	
37	Bản Huổi Thùng						59	
38	Bản Thảm Hưn						46	
39	Bản Bon Trỏ						44	
40	Bản An Mạ						43	

[illegible]

65	Bản Nong Nghè					59		
66	Bản Huổi Nhả					56		
67	Bản Phiêng Phụ					63		
68	Bản Xà Liệt		5		10	67		
69	Bản La Va				15	62		
				Trường TH-THCS Chiềng Kheo	Trường TH-THCS Chiềng Kheo			
70	Bản Cù		66		67			Bố mẹ đi làm ăn xa. gửi con cho ông bà ngoại cư trú tại xã Chiềng Kheo, học tại trường TH-THCS Chiềng Kheo (bổ sung năm học 2022 - 2023)
VIII	Xã Chiềng Dong			Trường TH-THCS Chiềng Dong (Tiểu học)	Trường TH-THCS Chiềng Dong (THCS)	Trường THPT Mai Sơn		
1	Bản Pắc Ngần		10		10	44		
2	Bản Pha Đin		10		10	42		
3	Bản Liềng					43		
4	Bản Nà Khoang					40		
5	Bản Lò U่ม					39		
6	Bản Dè					37		
7	Bản Khoáng Biên					35		
8	Bản Nghiệu Cọ					33		
						Trường THPT Chu Văn Thịnh		
9	Bản Nà Khoang					14		
10	Bản Dè					15		
11	Bản Lò U่ม					12		
12	Bản Liềng					14		
13	Bản Khoáng Biên					10		

14	Bản Pắc Ngần					14	
15	Bản Pha Đin					13	
						Trường THPT Cồ Nòi	
16	Bản Nghiu Cọ					43	
17	Bản Dề					47	
18	Bản Nà Khoang					50	
19	Bản Lò Um					49	
20	Bản Liềng					54	
21	Bản Khoáng Biên					45	
22	Bản Pắc Ngần					54	
23	Bản Pha Đin					52	
IX	Xã Chiềng Chung	II	Trường TH-THCS Chiềng Chung	Trường TH-THCS Chiềng Chung	Trường THPT Mai Sơn		
1	Bản Ít Hò	ĐBKK	9	9	50		
2	Bản Xam Ta	ĐBKK	8,5	8,5	49		
3	Bản Tường Chung	ĐBKK			45		
					Trường THPT Chu Văn Thịnh		
4	Bản Ít Hò	ĐBKK			20		
5	Bản Xam Ta	ĐBKK			19		
6	Bản Tường Chung	ĐBKK			15		
					Trường THPT Cồ Nòi		
7	Bản Ít Hò	ĐBKK			60		
8	Bản Xam Ta	ĐBKK			59		
9	Bản Tường Chung	ĐBKK			55		
X	Xã Chiềng Mung	I			Trường THPT Mai Sơn		25

1	Bản Lo	ĐBK			23	
2	Bản Lo	ĐBK			Trưởng THPT Chu Văn Thịnh 10	
3	Bản Lo	ĐBK			Trưởng THPT Cò Nòi 33	
XI	Xã Cò Nòi	I			Trưởng THPT Mai Sơn	
1	Bản Nong Môm (Bản Nong Môm)	ĐBK			20	
2	Bản Nong Môm (Bản Nong Môm)	ĐBK			Trưởng THPT Chu Văn Thịnh 45	
XII	Xã Nà Bó	I			Trưởng THPT Mai Sơn	
1	Bản Kéo Bó	ĐBK			25	
2	Bản Kéo Bó	ĐBK			Trưởng THPT Chu Văn Thịnh 55	
3	Bản Kéo Bó	ĐBK			Trưởng THPT Cò Nòi 25	
XIII	Xã Mường Bằng	I			Trưởng THPT Mai Sơn	
1	Bản Quỳnh Châu	ĐBK			15	
2	Bản Quỳnh Châu	ĐBK			Trưởng THPT Chu Văn Thịnh 30	
3	Bản Quỳnh Châu	ĐBK			Trưởng THPT Cò Nòi 27	

XIV	Xã Chiềng Chăn	I		Trường TH-THCS Chiềng Sung	Trường THPT Mai Sơn	
1	Bản Yên Bình	ĐBKk		7	18	
2	Bản Tong Tái B	ĐBKk			25	
3	Bản Nậm Luông	ĐBKk			28	
					Trường THPT Chu Văn Thỉnh	
4	Bản Yên Bình	ĐBKk			40	
5	Bản Tong Tái B	ĐBKk			45	
6	Bản Nậm Luông	ĐBKk			48	
					Trường THPT Cò Nòi	
7	Bản Yên Bình	ĐBKk			28	
8	Bản Tong Tái B	ĐBKk			35	
9	Bản Nậm Luông	ĐBKk			38	
XV	Xã Chiềng Mai	III	Trường TH-THCS Chiềng Mai (Tiểu học)		Trường THPT Mai Sơn	
1	Bản Cơi Quỳnh		5		35	
2	Bản Pòn		5		35	
3	Bản Cúrp				33	
4	Bản Vứt Bon				36	
5	Tiểu khu Ngá Ba				38	
6	Bản Ban				34	
7	Bản Mé Mạn				40	
8	Bản Cuộm Sơn				35	
9	Bản Co Sâu				37	
10	Bản Dầm Hoa				35	

11	Bản Puốn Váy					40	
12	Bản Puốn Váy					10	
13	Bản Cơi Quỳnh					45	
14	Bản Pòn					45	
15	Bản Cúp					43	
16	Bản Vứt Bon					46	
17	Tiểu khu Ngã Ba					48	
18	Bản Ban					44	
19	Bản Mé Mận					50	
20	Bản Cuộm Sơn					45	
21	Bản Co Sâu					47	
22	Bản Dăm Hoa					45	
23	Bản Puốn Váy					50	
XVI	Xã Phiêng Pản	III	Trường Tiểu học Phiêng Pản	Trường THPT Mai Sơn			
1	Bản Pá Nó				40		
2	Bản Co Hày				39		
3	Bản Pá Liềng				41		
4	Bản Kết Hay				45		
5	Bản Xà Cành				32		
6	Bản Pá Ban				45		
7	Bản Pá Po				45		
8	Bản Nà Pòng				37		

[illegible]

33	Bản Ta Vất		15	15	48	
34	Bản Nà Hiên		14	14	47	
35	Bản Vít		25	25	57	
36	Bản Ta Lúc		20	20	52	
37	Bản Thán		25	25	57	
38	Bản Đen		20	20	52	
			Trường Tiểu học Phiêng Cầm 2		Trường THPT Cò Nòi	
39	Bản Pá Nó				27	
40	Bản Co Hày				26	
41	Bản Pá Liềng				28	
42	Bản Kết Hay				32	
43	Bản Xà Cành				19	
44	Bản Pá Ban				32	
45	Bản Pá Po				32	
46	Bản Nà Pồng				24	
47	Bản Pá Tong				23	
48	Bản Kết Nà		40		27	Học sinh TH học tại điểm trung tâm và điểm Huồi Thùng (Cao) sung năm học 2022 - 2023
49	Bản Nà Nhụng				29	
50	Bản Pén				32	
51	Bản Phiêng Khàng				30	
52	Bản Ta Vất				34	
53	Bản Nà Hiên				38	
54	Bản Vít				45	
55	Bản Ta Lúc				39	

56	Bản Thán					42			
57	Bản Đen					48			
				Trường TH- THCS Chiềng Kheo (THCS)	Trường TH- THCS Chiềng Kheo (THCS)				
58	Bản Pá Nó			36	37				
Các xã, bản huyện Sốp Cộp có học sinh học tại huyện Mai Sơn: gồm 02 lượt xã, 14 lượt bản									
I	Xã Mường Lèo		III			Trường THPT Cò Nòi			
1	Bản Liềng		ĐBK			172			
2	Bản Mạt		ĐBK			170			
3	Bản Huổi Làn		ĐBK			170			
4	Bản Nặm Pừn		ĐBK			178			
5	Bản Chấm Hỳ		ĐBK			182			
6	Bản Huổi Phúc		ĐBK			180			
7	Bản Sam Quảng		ĐBK			183			
8	Bản Pá Khoang		ĐBK			185			
9	Bản Nà Chòm		ĐBK			183			
10	Bản Huổi Luông		ĐBK			183			
11	Bản Huổi Áng		ĐBK			184			
12	Bản Huổi Lạ		ĐBK			189			
13	Bản Nặm Khún		ĐBK			195			
II	Xã Mường Và		III			Trường THPT Chu Văn Thịnh			
1	Bản Mường Và					125			
Các xã, bản huyện Sông Mã có học sinh học tại huyện Mai Sơn: gồm 04 lượt xã, 115 lượt bản									

I	Xã Chiềng Cang	III	Trường Tiểu học Phiêng Cầm 2				
1	Bản Pá Nó		5				
2	Bản Co Tòng		10			Học sinh TH học tại điểm trung tâm (bổ sung năm học 2022-2023)	
3	Bản Ít Lót		6			Học sinh TH học tại điểm trung tâm (bổ sung năm học 2022-2023)	
			Trường PTDBT TH-THCS Phiêng Cầm (Tiểu học)	Trường PTDBT TH-THCS Phiêng Cầm (THCS)			CÔNG BÁO SƠN LA/Số 19 + 20/
4	Bản Pá Nó		10		10		Ngày 15-09-2022
5	Bản Nhọt Có		12		12		
6	Bản Huổi Dáng				14		
						Trường THPT Cò Nòi	
7	Bản Huổi Dáng					50	
8	Bản Pá Nó					53	
9	Bản Nhọt Có					55	
10	Bản Co Tòng					55	
11	Bản Huổi Tao					60	
12	Bản Ít Lót					50	
13	Bản Hua Tát					51	
14	Bản Nà Bon					55	
15	Bản Thón					50	
16	Bản Có					60	
17	Bản Nhạp					80	
18	Bản Cang					70	
19	Bản Tre					66	
20	Bản Tín Tát					60	

5	Bản Túp Phạ A					106	
6	Bản Túp Phạ B					103	
7	Bản Nậm Pù (bản Nậm Pù A và bản Nậm Pù B)					100	
8	Bản Co Mạ (bản Co Mạ A và bản Co Mạ B)					120	
9	Bản Ta Hóc					104	
10	Bản Khua Họ					105	
11	Bản Cang Cói					102	
12	Bản Pa Tét					96	
13	Bản Pá Mần					95	
III	Xã Nà Nghịu	III				Trường THPT Cò Nòi	
1	Bản Hua Pàn					110	
2	Bản Phiêng Tỏ					112	
3	Bản Nong Léch					75	
4	Bản Lọng Lăn					85	
5	Bản Pom Phung					100	
6	Bản Ngu Hấu					120	
7	Bản Quyết Tâm					85	
8	Bản Huổi Lìu (Huổi Săng + Nà Lìu)					115	
9	Bản Nậm Ún (Co Mạ + Nậm Ún + Co Phèn)					110	
10	Bản Phiêng Pồng					110	
11	Bản Co Phường					108	
12	Bản Mế Bon (bản Mế, Bản Bon)					115	
13	Bản Lươi Là (bản Là Nà và bản Nà Lươi)					120	
14	Bản Nà Pàn					115	
15	Bản Nà Pàn II					120	

16	Bản Co Tổng					110	
17	Bản Huỗi Cối					102	
18	Bản Tiền Phong					93	
19	Bản Xum Côn					106	
20	Bản Ten U', xã Chiềng Sơ					120	
IV	Xã Chiềng Khoong	III	Trường Tiểu học Phiềng Cầm 2				
1	Bản Bó Chay		10	Trường PTDT bán trú TH- THCS Phiềng Cầm (Tiểu học)	Trường PTDT bán trú TH- THCS Phiềng Cầm (THCS)		Học sinh TH học tại điểm trung tâm (bổ sung năm học 2022-2023)
2	Bản Bó Chay		4				
3	Bản Nà Ngập		8		8		Bổ sung năm học 2022-2023 (TH, THCS)
						Trường THPT Cồ Nòi	
4	Bản Hải Sơn					85	
5	Bản Lè					78	
6	Bản Khong Tở					90	
7	Bản Lướt					79	
8	Bản Mòn					75	
9	Bản Pìn					85	
10	Bản Chiền					85	
11	Bản Púng					83	
12	Bản Cang					85	
13	Bản Huỗi Hào					86	
14	Bản Hát Lay					90	
15	Bản Pá Bông					87	

16	Bản Liên Phương						84		
17	Bản Hồng Nam						75		
18	Bản Xi Lô						76		
19	Bản Hoàng Mã						83		
20	Bản Púng Kiếng						90		
21	Bản C5 (Đội 5)						88		
22	Bản Bướm Ô						80		
23	Bản Huổi Bó						82		
24	Bản Huổi Mòn						80		
25	Bản Co Phen						87		
26	Bản Nà Ngập						81		
27	Bản Bó Sắn						85		
28	Bản Co Sắn						80		
29	Bản Tân Hưng						87		
30	Bản Huổi Nóng						90		
31	Bản Hua Na						87		
32	Bản Đưa Muội						85		
33	Bản Bó Luông						85		
34	Bản Bó Quỳnh						88		
35	Bản Lán Lanh						87		
36	Bản Đội 3						87		
37	Bản Lũng Quai						84		
38	Bản Ta Bay						85		
39	Bản Huổi Xim						85		
40	Bản Bó Chạy						70		
41	Bản Phiêng Xim						83		

9	Bản Ta Liễu					35	
10	Bản Nà Cài					35	
11	Bản Trăm Hóc					30	
12	Bản Tràng Năm					32	
Các xã, bản huyện Mường La có học sinh học tại huyện Mai Sơn: gồm 02 lượt xã, 02 lượt bản							
I	Xã Mường Chùm		I			Trường THPT Mai Sơn	
1	Bản Nong Chạy		ĐBK			20	
II	Xã Chiềng Ân		III	Trường Tiểu học Phiêng Cầm 2			
1	Bản Tà Pù Chừ			140			Học sinh TH học tại điểm trung tâm
C. Các trường học trên địa bàn huyện Vân Hồ: Gồm 14 lượt xã, 142 lượt bản							
I	Xã Vân Hồ		I			Trường THPT Vân Hồ	
1	Bản Pa Cóp		ĐBK			10	
2	Bản Chua Tai		ĐBK			12	
II	Xã Chiềng Khoa		I			Trường THPT Vân Hồ	
1	Bản Chiềng Lè		ĐBK			12	
						Trường THPT Mộc Hạ	
2	Bản Chiềng Lè		ĐBK			15	
III	Xã Lóng Luông		III	Trường Tiểu học Lóng Luông	Trường THCS Lóng Luông	Trường THPT Vân Hồ	
1	Bản Co Tang				8	20	
2	Bản Co Chàm				9	24	
3	Bản Lũng Xá					15	
4	Bản Tà Dê					16	

5	Bản Suối Bon						17	
6	Bản Co Lóng						18	
7	Bản Săn Cài						17	
8	Bản Pa Kha						16	
9	Bản Lóng Luông						14	
IV	Xã Mường Men	III	Trưởng TH&THCS Mường Men	Trưởng TH&THCS Mường Men	Trưởng TH&THCS Mường Men	Trưởng THPT Vân Hồ		
1	Bản Ưông				9	20		Học tại khu tiểu học, THPTCS
2	Bản Khả Nhài					15		
3	Bản Ủi					16		
4	Bản Chột					19		
5	Bản Nà Pa					18		
6	Bản Cóm					18		
						Trưởng THPT Mộc Hạ		
7	Bản Ưông					20		
8	Bản Khả Nhài					18		
9	Bản Ủi					18		
10	Bản Chột					18		
11	Bản Nà Pa					18		
12	Bản Cóm					18		
V	Xã Liên Hòa	III	Trưởng TH&THCS Liên Hòa	Trưởng TH&THCS Liên Hòa	Trưởng TH&THCS Liên Hòa	Trưởng THPT Mộc Hạ		
1	Bản Tà Phù		12	12	12	36		Học tại khu tiểu học, THPTCS
2	Bản Dón		10	10	10	32		Học tại khu tiểu học, THPTCS
3	Bản Ngăm					20		
4	Bản Nôn					24		39

5	Bản Lấn						26	
6	Bản Suối Nậu						26	
							Trường THPT Vân Hồ	
7	Bản Tà Phù						48	
8	Bản Dón						52	
9	Bản Ngăm						42	
10	Bản Nôn						45	
11	Bản Lấn						47	
12	Bản Suối Nậu						47	
VI	Xã Chiềng Yên	III	Trường TH & THCS Chiềng Yên	Trường TH & THCS Chiềng Yên	Trường THPT Vân Hồ			
1	Bản Bồng Hà		7	7	35			Học tại khu tiểu học, THCS
2	Bản Piềng Chà		7	7	39			Học tại khu tiểu học, THCS
3	Bản Suối Mực		10	10	35			Học tại khu tiểu học, THCS
4	Bản Leo		8	8	43			Học tại khu tiểu học, THCS
5	Bản Nà Bai		10	10	30			Học tại khu tiểu học, THCS
6	Bản Cò Bá		6		36			Học tại khu tiểu học
7	Bản Bướn		10	10	35			Học tại khu tiểu học, THCS
8	Bản Phụ Mẫu		5		30			Học tại khu tiểu học
9	Bản Pà Puộc		12	12	37			Học tại khu tiểu học, THCS
10	Bản Phà Lè				33			
11	Bản Niên				32			
VII	Xã Mường Tè	III	Trường TH & THCS Mường Tè	Trường TH & THCS Mường Tè	Trường THPT Mộc Hạ			
1	Bản Hinh		8	8	26			Học tại khu tiểu học, THCS
2	Bản Pơ Tào		6,5		25			Học tại khu tiểu học

3	Bán Pù Hiền			6		25	Học tại khu tiểu học
4	Bán Hào			6,5		13	Học tại khu tiểu học
5	Bán Háng			4,5		14	Học tại khu tiểu học
6	Bán Nhúng					18	
7	Bán Chiềng Ban					20	
8	Bán Mừng Tè					16	
						Trưởng THPT Văn Hồ	
9	Bán Hình					48	
10	Bán Sơ Tào					50	
11	Bán Pù Hiền					45	
12	Bán Hào					40	
13	Bán Háng					38	
14	Bán Nhúng					42	
15	Bán Chiềng Ban					46	
16	Bán Mừng Tè					44	
VIII	Xá Song Khũa	III	Trường Tiểu học Song Khũa	Trường TH & THCS Song Khũa	Trưởng THPT Mộc Hạ		
1	Bán Song Hưng					18	
2	Bán Co Hó					16	
3	Bán Suối Sầu					19	
4	Bán Un			8		18	Học tại khu THCS
5	Bán Tầm Phế					18	
6	Bán Tàu Dầu					16	
7	Bán Lóng Khũa					14	
8	Bán Tà Lạc					14	
9	Bán Co Súc					12	

									Trường THPT Vân Hồ		
10	Bản Song Hưng								45		
11	Bản Co Hó								44		
12	Bản Suối Sầu								45		
13	Bản Ün								46		
14	Bản Tầm Phế								43		
15	Bản Tàu Dầu								44		
16	Bản Lóng Khùa								43		
17	Bản Tà Lặc								40		
18	Bản Co Súc								40		
IX	Xã Chiềng Xuân	III		Trường TH&THCS Chiềng Xuân	Trường TH&THCS Chiềng Xuân			Trường THPT Vân Hồ			
1	Bản Tân Thành (AL-BL)		7	7				38		Học tại khu tiểu học, THCS	
2	Bản Nậm Dên		8	8				38		Học tại khu tiểu học, THCS	
3	Bản Nà Sàng		10	10				45		Học tại khu tiểu học, THCS	
4	Bản Suối Quanh							33			
5	Bản Dúp Kén							36			
6	Bản Sa Lai							36			
7	Bản Khò Hồng							31			
X	Xã Suối Bàng	III		Trường TH &THCS Suối Bàng	Trường TH &THCS Suối Bàng			Trường THPT Mộc Hạ			
1	Bản Suối Khẩu		10	10				15		Học tại khu tiểu học, THCS	
2	Bản Bó		8	8				15		Học tại khu tiểu học, THCS	
3	Bản Chiềng Đa		4	10				15		Học tại khu tiểu học, THCS	
4	Bản Ám			8				15		Học tại khu THCS	
5	Bản Pư Lai			7				15		Học tại khu THCS	
6	Bản Châu Phong		4					15		Học tại khu tiểu học	

7	Bản Sói			4			15	Học tại khu tiểu học	
8	Bản Pa Đì			5			15	Học tại khu tiểu học	
9	Bản Nà Lòì (NL-PT)			4			15		
10	Bản Khoang Tuổng						18		
							Trưởng THPT Vân Hồ		
11	Bản Suối Khẩu						60		
12	Bản Bó						53		
13	Bản Chiềng Đa						30		
14	Bản Ám						30		
15	Bản Pua Lai						35		
16	Bản Châu Phong						38		
17	Bản Sói						27		
18	Bản Pa Đì						25		
19	Bản Nà Lòì (NL-PT)						45		
20	Bản Khoang Tuổng						42		
XI	Xã Quang Minh	III		Trưởng TH &THCS Quang Minh	Trưởng TH &THCS Quang Minh	Trưởng THPT Mộc Hạ			
1	Bản Coong			12	12	36	Học tại khu tiểu học, THCS		
2	Bản Lòm			7	7	31	Học tại khu tiểu học, THCS		
3	Bản To Ngùi					28			
4	Bản Bó					22			
5	Bản Nà Bai					24			
						Trưởng THPT Vân Hồ			
6	Bản Coong					54			
7	Bản Lòm					50			43

8	Bản To Ngủi						52			
9	Bản Bó						45			
10	Bản Nà Bai						46			
XII	Xã Xuân Nha	III	Trường TH & THCS Xuân Nha	Trường TH & THCS Xuân Nha		Trường THPT Vân Hồ				
1	Bản Pù Lầu		5			30		Học tại khu tiểu học		
2	Bản Chiềng Hìn		6			25		Học tại khu tiểu học		
3	Bản Chiềng Nưa		5			29		Học tại khu tiểu học		
4	Bản Mường An		13		12	18		Học tại khu TH, THCS		
5	Bản Nà An		11		10	17		Học tại khu TH, THCS		
6	Bản Thín		4			23		Học tại khu tiểu học		
7	Bản Tùm					23				
8	Bản Nà Hiềng					23				
XIII	Xã Tân Xuân	III	Trường TH & THCS Tân Xuân	Trường TH & THCS Tân Xuân		Trường THPT Vân Hồ				
1	Bản Sa Lai				17	50		Học tại khu THCS		
2	Bản Cột Móc				14	47		Học tại khu THCS		
3	Bản Đông Tà Lào				10	35		Học tại khu THCS		
4	Bản Láy		5		7	40		HS A Lang đồn về Bản Láy		
5	Bản Tây Tà Lào					37				
6	Bản Bướn					35				
7	Bản Ngà					37				
8	Bản Thăm Tôn					30				
9	Bản Bún					38				
XIV	Xã Tô Múa	III	Trường TH & THCS Tô Múa	Trường TH & THCS Tô Múa		Trường THPT Mộc Hạ				
1	Bản Đá Mái				8			Học tại khu THCS		

2	Bản Bố Mòng		8	9		Học tại khu TH, THCS
3	Bản Khảm		7	7		Học tại khu TH, THCS
4	Bản Suối Liếm		4			Học tại khu TH
5	Bản Lắc Mường			7		Học tại khu THCS
6	Bản Cho Đáy		5			Học tại khu TH
D. Các trường học trên địa bàn huyện Phù Yên: Gồm 26 lượt xã, 297 lượt bản						
I	Xã Quang Huy	I				
					Trường THPT Phù Yên	
1	Bản Suối Ngang	BĐBKK			20	
2	Bản Suối Ó	BĐBKK			18	
3	Bản Suối Gióng	BĐBKK			12	
					Trường THPT Gia Phù	
4	Bản Suối Ngang	BĐBKK			31	
					Trường THPT Tân Lang	
5	Bản Suối Ngang	BĐBKK			46	
6	Bản Suối Ó	BĐBKK			43	
7	Bản Suối Gióng	BĐBKK			38	
II	Xã Huy Bắc	I				
					Trường THPT Phù Yên	
1	Bản Sáy Tú	BĐBKK			11	
III	Xã Huy Tân	II				
					Trường THPT Phù Yên	
1	Bản Suối Cù	BĐBKK			14	

							Trường THPT Tân Lang			
2	Bản Suối Cù	BĐBKK					40			
IV	Xã Huy Thượng	II								
							Trường THPT Phù Yên			
1	Bản Núi Hồng	BĐBKK					10			
							Trường THPT Tân Lang			
2	Bản Núi Hồng	BĐBKK					26			
V	Xã Huy Tường	III		Trường Tiểu học và THCS Huy Tường	Trường Tiểu học và THCS Huy Tường					
1	Bản Suối Pài			7	8			Học tại khu tiểu học, THCS		
2	Bản Suối Nhúng			6	7			Học tại khu tiểu học, THCS		
							Trường THPT Phù Yên			
3	Bản Suối Pài						15			
4	Bản Suối Nhúng						12			
5	Bản Noong Pùng						10			
							Trường THPT Tân Lang			
6	Bản Suối Pài						41			
7	Bản Suối Nhúng						38			
8	Bản Noong Pùng						36			
VI	Xã Tường Hạ	III								
							Trường THPT Tân Lang			
1	Bản Liên Hợp						45			

1	Bản Suối Tre					48	
2	Bản Suối Lóm					49	
						Trường THPT Phù Yên	
3	Bản Bèo					32	
4	Bản Suối Lóm					27	
5	Bản Suối Tre					26	
6	Bản Hạ Lương					24	
7	Bản Tân Đà					28	
						Trường THPT Gia Phù	
8	Bản Bèo					37	
9	Bản Suối Lóm					41	
10	Bản Suối Tre					35	
11	Bản Hạ Lương					30	
12	Bản Tân Đà					28	
IX	Xã Tân Phong	II				Trường THPT Phù Yên	
1	Bản Mừng	BĐBKK				32	
2	Bản Đồng Mã	BĐBKK				40	
3	Bản Bông	BĐBKK				45	
						Trường THPT Gia Phù	
4	Bản Mừng	BĐBKK				23	
5	Bản Đồng Mã	BĐBKK				48	
6	Bản Bông	BĐBKK				52	
X	Xã Nam Phong	III	Trường Tiểu học và THCS Nam Phong	Trường Tiểu học và THCS Nam Phong			

1	Bản Suối Vế		8	8		Học tại khu tiểu học, THCS	
2	Bản Suối Lúa			7		Học tại khu THCS	
3	Bản Pín		12	12		Học tại khu tiểu học, THCS	
4	Bản Suối Vế					Trường THPT Phú Yên	
5	Bản Đá Mài					70	
6	Bản Suối Lúa					62	
7	Bản Pín					55	
8	Bản Mố Sách					70	
						62	
						Trường THPT Gia Phù	
9	Bản Suối Vế					70	
10	Bản Đá Mài					70	
11	Bản Suối Lúa					63	
12	Bản Pín					78	
13	Bản Mố Sách					70	
						Trường THPT Tân Lang	
14	Bản Đá Mài					88	
15	Bản Suối Vế					96	
XI	Xã Bắc Phong						
1	Bản Bắc Bần		15	20	Trường Tiểu học và THCS Nam Phong	Học tại khu tiểu học, THCS	
XII	Xã Bắc Phong						
1	Bản Bó Mỹ		10	10	Trường Tiểu học và THCS Bắc Phong	Học tại khu tiểu học, THCS	
2	Bản Bãi Con		7	7		Học tại khu tiểu học, THCS	

3	Bản Bó Vả		7	7		Học tại khu tiểu học, THCS
4	Bản Bắc Bản		10	10		Học tại khu tiểu học, THCS
5	Bản Bura Đa		5			Học tại khu tiểu học
					Trường THPT Phù Yên	
6	Bản Bó Mý				61	
7	Bản Bãi Con				58	
8	Bản Đá Phở				58	
9	Bản Bura Đa				61	
10	Bản Bó Vả				58	
11	Bản Bắc Bản				61	
					Trường THPT Gia Phù	
12	Bản Bó Mý				50	
13	Bản Bãi Con				47	
14	Bản Đá Phở				47	
15	Bản Bura Đa				50	
16	Bản Bó Vả				47	
17	Bản Bắc Bản				50	
XIII	Xã Đá Đỏ	III	Trường Tiểu học và THCS Đá Đỏ	Trường Tiểu học và THCS Đá Đỏ		
1	Bản Tang Lang		10	15		Học tại khu tiểu học, THCS
2	Bản Cửa Sập		7	7		Học tại khu tiểu học, THCS
3	Bản Suối Tiếu		8	15		Học tại khu tiểu học, THCS
4	Bản Hợp Bông			8		Học tại khu THCS
5	Bản Bãi Vàng		5			Học tại khu tiểu học
					Trường THPT Phù Yên	

5	Bản Pưn					25	
6	Bản Phiềng Luơng					35	
7	Bản Xa					35	
8	Bản Nà Lạ					31	
						Trường THPT Phù Yên	
9	Bản Giàng					49	
10	Bản Pưn					32	
11	Bản Phiềng Luơng					46	
12	Bản Xa					46	
13	Bản Nà Lạ					42	
XV	Xã Kim Bon	III	Trường PTDTBT TH & THCS Kim Bon	Trường PTDTBT TH & THCS Kim Bon			
1	Bản Suối Kénh		7	7			Học tại khu tiểu học, THCS
2	Bản Suối On		10	10			Học tại khu tiểu học, THCS
3	Bản Trung Thành		8	8			Học tại khu tiểu học, THCS
4	Bản Suối Lệt		18	18			Học tại khu tiểu học, THCS
5	Bản Kim Bon		5				Học tại khu tiểu học
						Trường THPT Phù Yên	
6	Bản Suối Kénh					43	
7	Bản Suối On					55	
8	Bản Trung Thành					51	
9	Bản Suối Lệt					60	
10	Bản Suối Bương					35	
11	Bản Suối Pa					37	
12	Bản Kim Bon					40	

9	Bản Suối Giàng					23	
10	Bản Suối Bau					20	
11	Bản Suối Chát					22	
12	Bản Suối Chèo					21	
						Trường THPT Phù Yên	
13	Bản Suối Cáy				...	21	
14	Bản Suối Thịnh					32	
15	Bản Suối Hiền					25	
16	Suối Giàng					30	
17	Bản Suối Bau					30	
18	Bản Suối Chát					32	
19	Bản Suối Chèo					31	
XVII	Xã Quang Huy	I	Trường PTDTBT TH&THCS Suối Tọ	Trường PTDTBT TH&THCS Suối Tọ			
1	Bản Suối Ngang	Bản ĐBK			13		
2	Bản Suối Ó	Bản ĐBK			14		
3	Bản Suối Gióng	Bản ĐBK			12		
XVIII	Xã Suối Tọ	III	Trường PTDTBT TH&THCS Suối Tọ	Trường PTDTBT TH&THCS Suối Tọ			
1	Bản Trò		7	7			Học tại khu tiểu học, THCS
2	Bản Suối Khang		6				Học tại khu tiểu học
3	Bản Suối Tọ		8	8			Học tại khu tiểu học, THCS
4	Bản Lũng Khoai		6				Học tại khu tiểu học
5	Bản Suối Dinh				36		Học tại khu THCS
6	Bản Pắc Bẹ A				30		Học tại khu THCS
7	Bản Pắc Bẹ B				26		Học tại khu THCS

8	Bản Pắc Bẹ C			Trưởng Tiểu học Suối Tọ II	32		Học tại khu THCS	
9	Bản Pắc Bẹ C			4			Học tại khu tiểu học	
10	Bản Pắc Bẹ A			4			Học tại khu tiểu học	
11	Bản Pắc Bẹ B			9			Học tại khu tiểu học	
12	Bản Trồ					Trưởng THPT Gia Phù		
13	Bản Suối Khang					23		
14	Bản Lũng Khoai					28		
15	Bản Suối Tọ					28		
16	Bản Pắc Bẹ A					31		
17	Bản Pắc Bẹ B					15		
18	Bản Pắc Bẹ C					17		
19	Bản Suối Dinh					19		
20	Bản Trồ					31		
21	Bản Suối Khang					Trưởng THPT Phù Yên		
22	Bản Lũng Khoai					15		
23	Bản Suối Tọ					16		
24	Bản Pắc Bẹ A					17		
25	Bản Pắc Bẹ B					20		
26	Bản Pắc Bẹ C					28		
27	Bản Suối Dinh					30		
						32		
						35		
						Trưởng THPT Tân Lang		
								55

CÔNG BÁO SON LA/Số 19 + 20/Ngày 15-09-2022

28	Bản Trò				41		
29	Bản Pắc Bẹ C				58		
XIX	Xã Mường Thái	III	Trường PTDTBT TH & THCS Mường Thái	Trường PTDTBT TH & THCS Mường Thái			
1	Bản Suối Quốc		5			Học tại khu tiểu học	
2	Bản Chiếu		7	8		Học tại khu tiểu học, THCS	
3	Bản Suối Tàu		8	8		Học tại khu tiểu học, THCS	
4	Bản Khoai Lang		10	10		Học tại khu tiểu học, THCS	
5	Bản Khe Lành		13	13		Học tại khu tiểu học, THCS	
6	Bản Giáp Đất		16	16		Học tại khu tiểu học, THCS	
					Trường THPT Phù Yên		
7	Bản Thái				12		
8	Bản Suối Cuốc				15		
9	Bản Chiếu				18		
10	Bản Giáp Đất				34		
11	Bản Khe Lành				30		
12	Bản Khoai Lang				22		
13	Bản Suối Tàu				20		
					Trường THPT Tân Lang		
14	Bản Giáp Đất				55		
15	Bản Khe Lành				51		
16	Bản Khoai Lang				43		
17	Bản Suối Quốc				36		
18	Bản Suối Tàu				41		
19	Bản Thái				26		

11	Bản Sọc						60		
12	Bản Cải						52		
13	Bản Chùng						58		
14	Bản Bang						59		
							Trường THPT Tân Lang		
15	Bản Dinh						40		
16	Bản Chè Mè						30		
17	Bản Suối Gà						36		
18	Bản Lao						30		
19	Bản Sọc						26		
20	Bản Cải						28		
21	Bản Chùng						26		
22	Bản Khoáng						35		
23	Bản Bang						28		
							Trường THPT Gia Phù		
24	Bản Dinh						84		
25	Bản Chè Mè						74		
26	Bản Suối Gà						80		
27	Bản Lao						74		
28	Bản Cải						71		
29	Bản Chùng						96		
XXV	Xã Tường Thượng				III				
							Trường THPT Phù Yên		
1	Bản Khoa 1						14		

[illegible]

4	Bản Huối Vắn	ĐBK		14	64	
5	Bản Kéo Ca	ĐBK		26	70	
				Trường THCS Mường Giôn	Trường THPT Mường Giôn	
6	Bản Hua Xanh	ĐBK		8		
7	Bản Huối Tèo	ĐBK		10	10	
8	Bản Huối Ngà	ĐBK		27	27	
9	Bản Huối Vắn	ĐBK		25	25	
10	Bản Kéo Ca	ĐBK		40	40	
IV	Xã Mường Sại	III	Trường TH & THCS Mường Sại	Trường TH & THCS Mường Sại	Trường THPT Quỳnh Nhai	Tiểu học học khu trung tâm trường tiểu học, THCS học khu THCS
1	Bản Nhà Sậy (bản Nhà Sậy, bản Muôn Sày)		5,6		15	
2	Bản Pha Đảo (Bản Nà Phi, Co Sán, Huối Tầm cũ)		10	8,8	24	
3	Huối Tôm (bản Tôm A, Tôm B cũ)		10	8	20	
4	Bản Ít (bản Ít A, Ít B, Ca cũ)				25	
5	Bản Ten Tre (bản Ten Tre, bản Hát Dọ A, Hát Dọ B, Pá Báng cũ)		14,8	12,8	35	
6	Bản Búa Bon (bản Om, Mái, Lái cũ)				25	
7	Bản Coi (bản Coi A, Coi B cũ)				25	
8	Bản Muôn (bản Muôn A, Muôn B cũ)				26	
9	Bản Pha Đảo (Bản Huối Tầm cũ)		4			Học sinh tiểu học học tại điểm trường Pha Đảo
10	Bản Huối Tôm		4,5			Học sinh tiểu học học tại điểm trường Pha Đảo
					Trường THPT Mường Giôn	

20	Bản Nậm Tấu (Bản Nậm Tấu)					13		
21	Bản Lọng Ổ (Hua Le, Huổi Lóng cũ)					15		
22	Bản Có Nội					15		
23	Bản Có Luông					14		
24	Bản Có Nàng (bản Táng Luông, Có Nàng cũ)					13		
25	Bản Nong Trạng					23		
26	Bản Pá Bó (Thăm Pa, Huổi Lạnh cũ)					27		
VI	Xã Nậm Ết	III	Trường TH & THCS Nậm Ết	Trường TH & THCS Nậm Ết	Trường THPT Quỳnh Nhai	Tiểu học học khu trung tâm, điểm trường tiểu học, THCS học khu THCS	CÔNG ĐOÀN SON LA/Số 19 + 20/ Ngày 15-09-2020	
1	Bản Cà Pổng (bản Pổng, Cà cũ)		7	7	30			
2	Bản Cọ Muông (bản Cọ, Muông cũ)		4		25			
3	Bản Huổi Hẹ (bản Huổi Pao, Co Hèm, Huổi Hẹ cũ)		12	12	27			
4	Bản Dọ (Dọ A, Dọ B, Nà Hừa cũ)		7	7	35			
5	Bản Giáng Ứn (Bản Giáng, Ứt Lún cũ)		6	7	25			
6	Bản Lạn Sản (Bản Lạn, Co Đứa, Sản cũ)		7,5	7,5	30			
7	Bản Pom Hán (Bản Bom Hán)		12	12	26			
8	Bản Tôm		4		28			
9	Bản Nong				26			
10	Bản Hào		6		28			
11	Bản Bó Ứn		8	8	27			
VII	Xã Cà Nàng	III	TH&THCS Cà Nàng	TH&THCS Cà Nàng	Trường THPT Quỳnh Nhai	Tiểu học học khu trung tâm, điểm trường tiểu học, THCS học khu THCS		
1	Bản Lò Cù (HS bản Nậm Lò và Co Cù cũ)		10	10	70			
2	Bản Pạ Lò (Giang Lò cũ)		4	10	60			
3	Bản Pho Pha (Huổi Pho, Huổi Pha cũ)		12	12	70			

4	Bản Cà Nàng					64	
5	Bản Huổi Xuông (Bản Huổi Suông)		6			60	
6	Bản Phát					65	
7	Bản Phướng					65	
8	Bản Ít Pháy (Bản Ít Pháy)		9			70	
						Trường THPT Mường Giôn	
9	Bản Phát					35	
10	Bản Cà Nàng					34	
VIII	Xã Quài Nưa (Tuần Giáo, Điện Biên)	III				Trường THPT Quỳnh Nhai	
1	Bản Ten					25	
F. Các trường học trên địa bàn huyện Bắc Yên: Gồm 15 lượt xã, 118 lượt bản							
I	Xã Song Pe	III	Trường TH xã Song Pe	Trường THCS xã Song Pe	Trường THPT Bắc Yên		
1	Suối Quốc		4,5		11		
2	Bản Chanh		7	8,5	20		
3	Bản Nguồn		17	18,5	27		
4	Bản Mong		27	28,5	37		
5	Bản Ngậm		37	38,5	42		
6	Bản Suối Song		10	11,5	22		
7	Bản Trung Sơn		23	21,5	14		
8	Bản Pe				10	Học sinh bản Pe cũ được chính sách hỗ trợ	
9	Bản Pe		12	13		Học sinh bản Mới cũ được chính sách hỗ trợ	
10	Bản Tà Đò, xã Tạ Khoa		5				
11	Bản Suối Cái, xã Chim Ván		8	7			65

12	Bản Tà Đồ, xã Tà Khoa			7		Bản Tà Đồ Móng cũ được hướng chính sách hỗ trợ
II	Xã Hồng Ngải	III	Trường PTDTBT TH-THCS Hồng Ngải	Trường PTDTBT TH-THCS Hồng Ngải	Trường THPT Bắc Yên	
1	Bản Suối Háo		5,6	6,6	17,5	
2	Bản Suối Chạn		8,4	9,4	18	
3	Bản Suối Ténh		17,1	18,1	24,7	
4	Bản Lung Tang		20	21	28,6	
5	Bản Đung Giàng		10,5	11,5	16	
6	Bản Hồng Ngải		5			Học sinh bản Mới cũ giáp xã Hồng Pe được hướng chính sách hỗ trợ
7	Bản Hồng Ngải		6	7		Học sinh bản Mới cũ giáp khu dân Cang Hợp xã Phiêng Ban được hướng chính sách hỗ trợ
8	Bản Trung Sơn, xã Song Pe		8	9		
9	Bản Pe, xã Song Pe		8	7		Học sinh bản Mới cũ giáp xã Hồng Ngải được hướng chính sách hỗ trợ
10	Bản Giàng, xã Sập Xa, huyện Phù Yên	ĐBK	11,5	12,5		
III	Xã Tà Khoa	III	Trường TH xã Tà Khoa	Trường THCS xã Tà Khoa	Trường THPT Bắc Yên	
1	Bản Nhận Nọc		4,8		36	
2	Bản Tân Tiến				32	
3	Bản Tà Đồ		18,1	22,9	17	
4	Bản Sập Việt		13,8	9	46	
5	Bản Tân Cường				30	Học sinh bản Nhận Cường cũ được hướng chính sách hỗ trợ
6	Bản Tân Cường		7,2	12	31	Học sinh bản Suối Hẹ cũ được hướng chính sách hỗ trợ
7	Bản O B (Bản O B)		13	17,7	28	

8	Bản Suối Sắt, xã Hua Nhàn			7			
IV	Xã Hua Nhàn	III	Trường PTDTBT TH Hua Nhàn	Trường PTDTBT THCS xã Hua Nhàn	Trường THPT Bắc Yên		
1	Bản Hua Noong				57	Học sinh bản Hua Nhàn được hướng chính sách hỗ trợ	
2	Bản Trống Dê				58		
3	Bản Pa Khóm		13,5	15	69		
4	Bản Suối Sắt		20,5	22	83		
5	Bản Khúm Khia		15	16,5	66		
6	Bản Đèo Chẹn			16,5	41	Học sinh bản Mòn cũ được hướng chính sách hỗ trợ	
7	Bản Đèo Chẹn		5	13,5	41	Học sinh bản Kéo Bó cũ được hướng chính sách hỗ trợ	
8	Bản Cáy Khê			18,5	39	Học sinh bản Suối Chẹn cũ được hướng chính sách hỗ trợ	
9	Bản Cáy Khê		6	13	45	Học sinh bản Khê A cũ được hướng chính sách hỗ trợ	
10	Bản Cáy Khê		5,5	12,5	41	Học sinh bản Khê B cũ được hướng chính sách hỗ trợ	
11	Bản Suối Thôn		6	9	45		
12	Bản Hồ Sen		8	8	46	Học sinh bản Noong Lành cũ được hướng chính sách hỗ trợ	
13	Bản Hồ Sen		5		48	Học sinh bản Sông Pét cũ được hướng chính sách hỗ trợ	
14	Bản Hua Noong		4		50	Học sinh bản Noong O A cũ được hướng chính sách hỗ trợ	
15	Bản Pa Nó, xã Mường Khoa	ĐBK	16	18			
V	Xã Chiềng Sại	III	Trường TH xã Chiềng Sại	Trường PTDTBT THCS xã Chiềng Sại	Trường THPT Bắc Yên		
1	Bản Co Mường		4		38		

2	Bản Quế Sơn					43	Học sinh bản Lái Ngài cũ được hưởng chính sách hỗ trợ
3	Bản Quế Sơn		4			47	Học sinh bản Mồm Bò cũ được hưởng chính sách hỗ trợ
4	Bản Suối Ngang		10		11	49,7	
5	Bản Nậm Lin (Bản Nậm Lin)		11		10	48	Nhóm dân cư Suối Trắng
6	Bản Nậm Lin (Bản Nậm Lin)		9		8	53	
7	Bản Tăng		5			40,5	
8	Bản Nà Dòn					33	
9	Bản Ngâm, xã Song Pe		5				
10	Bản Pơ Nang, xã Tân Hợp, Mộc Châu	ĐBK	14				
VI	Xã Phiêng Côn	III	Trường TH-THCS Phiêng Côn	Trường TH-THCS Phiêng Côn		Trường THPT Bắc Yên	
1	Bản Kỳ Sơn		10		10	55	
2	Bản Nhèm		8		8	53	
3	Bản Suối Trắng		11,5		11,5	56,5	
4	Bản En					45	Học sinh bản En cũ được hưởng chính sách hỗ trợ
5	Bản En		4,5			45	Học sinh bản Tăng cũ được hưởng chính sách hỗ trợ
6	Bản Co Muồng, xã Chiềng Sại		4				
VII	Xã Chím Vàn	III	Trường TH xã Chím Vàn	Trường THCS xã Chím Vàn		Trường THPT Bắc Yên	
1	Bản Suối Tù		6,3			23,7	
2	Bản Nà Tiến		8,7		8,7	31,5	
3	Bản Chím Thượng		9,7		9,7	33,5	
4	Bản Suối Cài		11,5		11,5	15,4	
5	Bản Cài B		19,7		19,7	22,7	

6	Bản Suối Lẹ		16,5	16,5	15,5		
7	Bản Vàn				29		
8	Bản Chim Hạ				25,5		
VIII	Xã Pắc Ngà	III	Trường TH xã Pắc Ngà	Trường THCS xã Pắc Ngà	Trường THPT Bắc Yên		
1	Bản Áng		4		56		
2	Bản Nà Sài		5		54		
3	Bản Pắc Ngà		4		57		
4	Bản Nong Cóc				54,3		
5	Bản Lùm Thượng A				61		
6	Bản Lùm Thượng B				55		Học sinh bản Lùm Thượng cũ được hưởng chính sách hỗ trợ
7	Bản Lùm Thượng B			7	57		Học sinh bản Lùm Thượng cũ được hưởng chính sách hỗ trợ
8	Bản Lùm Hạ		6		54,3		Học sinh bản Nà Phai cũ được hưởng chính sách hỗ trợ
9	Bản Lùm Hạ		7,5	7,5	58,8		Học sinh bản Lùm Hạ cũ được hưởng chính sách hỗ trợ
10	Bản Tà Íu		9	9	60		
11	Bản Bước				51,6		
IX	Xã Tà Xùa	III	Trường TH-THCS Tà Xùa	Trường TH-THCS Tà Xùa	Trường THPT Bắc Yên		
1	Bản Tà Xùa				16,2		Học sinh Tà Xùa A cũ khai giảng Tà Xùa C cũ được hưởng chính sách hỗ trợ
2	Bản Tà Xùa		4		17		Học sinh bản Mống Vàng cũ được hưởng chính sách hỗ trợ
3	Bản Tà Xùa		5		19		Học sinh bản Khe Cỏi cũ được hưởng chính sách hỗ trợ

4	Bản Chung Trình		5			20,2		
5	Bản Bề		10,7		10	11		
6	Bản Trò A		13,2		12,2	16,5		
7	Bản Phiêng Ban, xã Phiêng Ban	ĐBK	5		8			
X	Xã Háng Đồng	III	Trường TH-THCS Háng Đồng	Trường TH-THCS Háng Đồng	Trường THPT Bắc Yên			
1	Bản Háng Đồng		4,5			62,5	Các nhóm dân cư trên 4 km ²	
2	Bản Háng Đồng C		12		13	65,5		
3	Bản Làng Sáng		18,5		19,5	72		
4	Bản Chổng Tra		9		10	73		
5	Bản Háng Bla		12,5		13,5	75		
XI	Xã Làng Chếu	III	Trường TH xã Làng Chếu	Trường THCS xã Làng Chếu	Trường THPT Bắc Yên			
1	Bản Làng Chếu		5		7	24		
2	Bản Suối Lộng		8,5		10,5	31,5		
3	Bản Păng Khúa		11		13	34		
4	Bản Cáo A		6		8	23		
5	Bản Háng Cao		4			22	Các nhóm dân cư bản Cáo B cũ được trên 4 km ²	
6	Bản Háng Cao					24	Học sinh bản Háng A cũ được hưởng chính sách hỗ trợ	
7	Bản Trang Dưa Hạng					23		
8	Bản Suối Cái, xã Chim Vàn				18		Học sinh bản Suối Đay cũ nay là bản Suối Cái xã Chim Vàn được hưởng chính sách hỗ trợ	
XII	Xã Xím Vàng	III	Trường PTDTBT TH-THCS Xím Vàng	Trường PTDTBT TH-THCS Xím Vàng	Trường THPT Bắc Yên			
1	Bản Sòng Chổng		7		7	29		
2	Bản Háng Chơ		5,5			39		

3	Bản Trống Tàu		17		17		55		
4	Bản Xím Vàng						37		
XIII	Xã Hang Chú	III	Trường PTDTBT TH Hang Chú	Trường PTDTBT THCS xã Hang Chú	Trường THPT Bắc Yên				
1	Bản Phình Hồ		7		7		47		
2	Bản Pa Cư Sáng		4				58		
3	Bản Pá Hóc		8		10,5		64,5		
4	Bản Suối Lềnh				18		75,5		
5	Bản Nậm Lộng		15,5		31		86,6		
6	Bản Hang Chú						54		
7	Bản Suối Song, xã Song Pe		70						
8	Bản Tam Hợp, xã Phiêng Ban	ĐBK	58,7						
9	Bản Nà Tiến, xã Chim Vàn		5		23				Học sinh bản Lềnh Tiến cũ được hướng chính sách hỗ trợ
XIV	Xã Mường Khoa	I	Trường TH xã Mường Khoa	Trường THCS xã Mường Khoa	Trường THPT Bắc Yên				
1	Bản Pa Nó (Bản Pá Nó)	ĐBK					42		
2	Bản Khọc B	ĐBK					43,3		
XV	Thị trấn	I			Trường THPT Bắc Yên				
1	Bản Dào, xã Mường Lựm, huyện Yên Châu	ĐBK					103		
2	Bản Há Tàu, xã Long Hẹ, huyện Thuận Châu	ĐBK					178		
3	Bản Pắc Bẹ B, xã Suối Tơ, huyện Phù Yên	ĐBK					45		
G. Các trường học trên địa bàn huyện Sốp Cộp: Gồm 10 lượt xã, 80 lượt bản									
I	Xã Mường Lèo	III	Trường PTDTBT TH và THCS Mường Lèo	Trường PTDTBT TH và THCS Mường Lèo	Trường THPT Sốp Cộp				
1	Bản Liềng	ĐBK					60		
2	Bản Mạt	ĐBK	5				55		

3	Bản Huỗi Làn	ĐBK	4,5		64,5	
4	Bản Nậm Pùn	ĐBK	10	10	70	
5	Bản Chăm Hỳ	ĐBK	12	12	72	
6	Bản Huỗi Phúc	ĐBK	10	10	70	
7	Bản Sam Quảng	ĐBK	12	12	72	
8	Bản Pá Khoang	ĐBK	27	27	87	
9	Bản Nà Chòm	ĐBK	22	22	82	
10	Bản Huỗi Luông	ĐBK	20	20	80	
11	Bản Huỗi Áng	ĐBK	12	12	72	
12	Bản Huỗi Lạ	ĐBK	18	18	78	
13	Bản Nậm Khún	ĐBK	28	28	88	
II	Xã Sam Kha	III	Trường PTDTBT TH và THCS Sam Kha	Trường PTDTBT TH và THCS Sam Kha	Trường THPT Sốp Cộp	
1	Bản Huỗi Sang	ĐBK	7	7	29	
2	Bản Phá Thổng	ĐBK	7	7	42	
3	Bản Pú Sút (Bản Pu Sút)	ĐBK	10	10	45	
4	Bản Huỗi My	ĐBK	5	18	63	
5	Bản Nà Trĩa	ĐBK	4	14	59	
6	Bản Nậm Tía	ĐBK	4		26	
7	Bản Sam Kha	ĐBK	5		40	
8	Bản Ten Lán	ĐBK		9	43	
9	Bản Púng Báng	ĐBK			35	
III	Xã Púng Báng	III	Trường Tiểu học Púng Báng	Trường THCS Púng Báng	Trường THPT Sốp Cộp	
1	Bản Huỗi Cóp	ĐBK	6	9	25	
2	Bản Púng Cưởm	ĐBK	6	11	27	
3	Bản Phá Thổng	ĐBK	7	12	38	

4	Bản Liên Ban	ĐBK	4	10	26	HS tiểu học khu Phiêng Ban
5	Bản Khá Nghiu	ĐBK		8	24	
6	Bản Phải	ĐBK			13	
7	Bản Lầu	ĐBK			13	
8	Bản Kéo Hìn	ĐBK			12	
9	Bản Cọ	ĐBK			15	
10	Bản Liềng	ĐBK			16	
11	Bản Lùn	ĐBK			17	
12	Bản Púng	ĐBK			18	
13	Bản Bánh	ĐBK			20	
IV	Xã Dòm Cang	I	Trưởng TH và THCS Dòm Cang	Trưởng TH và THCS Dòm Cang	Trưởng THPT Sốp Cộp	
1	Bản Pá Hóc	ĐBK			20	
V	Xã Nậm Lạnh	III	Trưởng PTDTBT TH và THCS Nậm Lạnh	Trưởng PTDTBT TH và THCS Nậm Lạnh	Trưởng THPT Sốp Cộp	
1	Bản Bánh Han	ĐBK	4	8	11	HSTH Lạnh Bánh học điện trường Púng Tồng
2	Bản Hua Lạnh	ĐBK	23	22	24	
3	Bản Huổi Hịa	ĐBK	22	21	24	
4	Bản Cang Kéo	ĐBK	22	21	25	
5	Bản Pá Vai	ĐBK	20	19	22	
6	Bản Nậm Cẩn	ĐBK	12	11	14	
7	Bản Nậm Lạnh	ĐBK	10	9	12	
VI	Xã Mường Và	III	Trưởng TH và THCS Mường Và	Trưởng TH và THCS Mường Và	Trưởng THPT Sốp Cộp	
1	Bản Huổi Pốt	ĐBK	7	7	14	
2	Bản Pá Khoang	ĐBK	12	12	19	

3	Bản Pá Vai	ĐBK	21	21	28	
4	Bản Co Đũa	ĐBK			13	
5	Bản Huối Ca	ĐBK	4,5	7	14	
6	Bản Huối Dương	ĐBK	9	15	21	
7	Bản Huối Niềng	ĐBK	5	10	17	
8	Bản Púng Páng	ĐBK	8	20	20	
9	Bản Phá Thổng	ĐBK	22	26	34	
10	Bản Nà Cang	ĐBK	4	7	14	
11	Bản Tặc Tè	ĐBK	4		20	
12	Bản Lọng Ôn	ĐBK		9	16,5	
13	Bản Huối Lầu	ĐBK		11	18,8	
14	Bản Nà Lừa	ĐBK			14	
15	Bản Nà Khoang	ĐBK			16	
16	Bản Nà Mòn	ĐBK			17,5	
VII	Xã Mường Lạn	III	Trường PTDTBT Tiểu học Mường Lạn	Trường PTDTBT THCS Mường Lạn	Trường THPT Sốp Cộp	
1	Bản Nong Phụ	ĐBK	11	12	31	
2	Bản Nậm Lạn	ĐBK	16	17	40	
3	Bản Co Muông	ĐBK	8	9	30	
4	Điểm dân cư Co Hạ	ĐBK	6	7	22	
5	Bản Huối Men	ĐBK	6	11	39	
6	Bản Huối Pá	ĐBK	6	11	39	
7	Bản Nà Vạc	ĐBK	4	9	38	

8	Bán Pá Kach	ĐBKK	5,5	11	39	
9	Điểm dân cư Huồi Khi	ĐBKK	4	9,5	37,5	
10	Bán Cang Cói	ĐBKK	5		30	
11	Bán Khá	ĐBKK	4		24	
12	Bán Pu Hao (HSTH cụm trên)	ĐBKK	5	10	38	
13	Bán Cống (HS THCS cụm Nam Khong)	ĐBKK		10	38	
14	Bán Huồi Lè	ĐBKK		9	37	
15	Bán Nà Khi (HS THCS cụm Bán Mới)	ĐBKK		7,2	35,2	
16	Bán Mường Lạn	ĐBKK			28	
17	Bán Phiêng Pen	ĐBKK			31	
18	Bán Nà Ân	ĐBKK			33	
VIII	Xã Mường Cai, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	III	Trường TH và THCS Mường Và	Trường TH và THCS Mường Và	Trường THPT Sốp Cộp	
1	Bán Pá Vẹ	ĐBKK	12	18		
IX	Xã Mường Cai, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	III	Trường Tiểu học Púng Bánh	Trường THCS Púng Bánh	Trường THPT Sốp Cộp	
1	Bán Nà Kham	ĐBKK	4			
X	Xã Mường Cai, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	III	Trường PTDTBT TH và THCS Nà Khoang	Trường PTDTBT TH và THCS Nà Khoang	Trường THPT Sốp Cộp	
1	Bán Sải Khao	ĐBKK		17		
H. Các trường học trên địa bàn huyện Thuận Châu: Gồm 35 lượt xã, 669 lượt bản						
I	Xã Chiềng Bôm	III	Trường Tiểu học Chiềng Bôm	Trường THCS Chiềng Bôm	Trường THPT Thuận Châu	
1	Bán Huồi Pu		9	9	10,5	
2	Bán Hua Ty B		18	18	20	
3	Bán Hua Ty A		22	22	25	
4	Bán Nà Tắm		4,2	10	14	
5	Bán Ít Cang		7	10	15	

6	Bản Bó						22	
7	Bản Tra						25	
8	Bản Nong Bon						24	
9	Bản Nà Ten						23	
10	Bản Mười						22	
11	Bản Phai Khon						23	
12	Bản Măn						26	
13	Bản Lót						25	
14	Bản Nà Hóc						24	
15	Bản Quỳnh Thuận						24	
16	Bản Phiêng Xe						19	
							Trưởng THPT Tổng Lãnh	
17	Bản Bó						15	
18	Bản Lót						16	
19	Bản Mười						13	
20	Bản Tra						17	
21	Bản Lọng Cu						19	
22	Bản Măn						18	
23	Bản Nà Hóc						20	
24	Bản Nà Sành						22	
25	Bản Nà Ten						23	
26	Bản Nà Viêng						23	
27	Bản Nong Bon						19	
28	Bản Phai Khon						25	
29	Bản Phiêng Xe						27	

[illegible]

4	Bản Nam Tiến						15		
5	Bản Nong Ồ						20		
6	Bản Bon						16		
7	Bản Trai						16		
8	Bản Bắc Cường						14		
9	Bản Phặng						18		
							Trưởng THPT Tổng Lãnh		
10	Bản Chăn						12		
11	Bản Lầy						11		
12	Bản Tát						14		
13	Bản Nam Tiến						10		
14	Bản Nong Ồ						11		
15	Bản Bon						10		
V	Xã Chiềng Ngâm	III	Trưởng Tiểu học Chiềng Ngâm	Trưởng THCS Chiềng Ngâm	Trưởng THPT Thuận Châu				
1	Bản Huổi Lán		14	10,3	26				
2	Bản Pù		4	7,9	20				
3	Bản Quây		5	7	25				
4	Bản Huổi Sỏi		6	9	23				
5	Bản Nong Cạn		6,5	10	24				
6	Bản Sắng		4	7	25				
7	Bản Mên		4		23				
8	Bản Tam				21				
9	Bản Tợ Nưa				21				
10	Bản Lọng Bon				22				
11	Bản Pú Bâu (Bản Pù Bâu)				21				

35	Bản Quay					15		
36	Bản Sắng					16		
37	Bản Tam					19		
38	Bản Tợ Nưa					17		
					Trường TH-THCS Bó Mười A			
39	Bản Bản Pù				7,5			
VI	Xã Long Hẹ	III			Trường TH-THCS Long Hẹ	Trường TH-THCS Long Hẹ	Trường THPT Thuận Châu	
1	Bản Pú Chùm				13	13	56	
2	Bản Pú Chấn (Điểm bán cũ)				10	10	68	
3	Bản Pú Chấn (Điểm bán mới)				4		62	
4	Bản Pá Uối				14	14	55	
5	Bản Há Tàu (Há Tàu)				12	12	54	
6	Bản Cha Mạy				15	15	53	
7	Bản Co Nhừ				17	17	51	
8	Bản Nông Cốc				25	25	65	
9	Bản Ta Khom				17	17	58	
10	Bản Nà Nôm				21	21	58	
11	Bản Cán Tỷ A				16	16	56	
12	Bản Cán Tỷ B				14	14	58	
13	Bản Pá Púa				17	17	59	
14	Bản Nậm Nhừ						56	
15	Bản Long Hẹ						57	
					Trường Tiểu học Co Mạ 1	Trường THCS Phổng Lập	Trường THPT Bình Thuận	
16	Bản Long Hẹ						71	

VII	Xã Co Tòng	III	Trưởng TH-THCS Co Tòng	Trưởng TH-THCS Co Tòng	Trưởng THPT Thuận Châu	
1	Bản Thẩm Xét		13	13	56	
2	Bản Há Khúa		11	11	58	
3	Bản Pá Hốc		9	9	60	
4	Bản Co Cài		15	15	58	
5	Bản Pá Cháo B		4		67	
6	Bản Co Tòng (Cụm Pá Dúa)		4		55	
7	Bản Co Nhừ				65	
8	Bản Pá Cháo A				65	
			Trưởng TH-THCS Long Hệ	Trưởng TH-THCS Long Hệ		
9	Bản Thẩm Xét		51	51		
			Trưởng Tiểu học Co Mạ 1	Trưởng THCS Chiềng Ly	Trưởng THPT Bình Thuận	
10	Bản Pá Hốc		20	40	48	
11	Bản Pá Cháo A		24			
12	Bản Co Cài		40		72	
13	Bản Thẩm Xét		45		69	
14	Bản Co Tòng				69	
15	Bản Co Nhừ				78	
16	Bản Pá Cháo A				75	
17	Bản Pá Cháo B				79	
18	Bản Há Khúa				72	
			Trưởng Tiểu học Mường Bám 1	Trưởng PTDT bán trú THCS Co Mạ		
19	Bản Há Khúa		60			

[illegible]

16	Bản Mớ			18	43	
17	Bản Pha Khuông				45	
18	Bản Co Mạ				43	
19	Bản Cát		Trường Tiểu học Co Mạ 2	20	45	
20	Bản Noong Vai		4	16	58	
21	Bản Cửa Rừng		4			
22	Bản Chả Lạy B		4			
			Trường Tiểu học Chiềng Ly			
23	Bản Chả Lạy B		45			
			Trường Tiểu học Chiềng Bôm			
24	Bản Cửa Rừng		25			
			Trường TH-THCS Long Hệ	Trường TH-THCS Long Hệ	Trường THPT Co Mạ	
25	Bản Co Nghè B		14	14	10	
26	Bản Cửa Rừng		29	29	20	
27	Bản Nong Vai		20	20	15	
28	Bản Láo Hả		14	14		
29	Bản Mớ			27		
				Trường THCS Chiềng Bôm		
30	Bản Cát			20	15	
31	Bản Chả Lạy B				17	
32	Bản Hát Xiến				20	
33	Bản Huổi Dên				11	
34	Bản Pá Ấu				16	

[illegible]

15	Bản Hua Dấu					37	
16	Bản Hua Ngáy					31	
17	Bản Tịa Tậu					31	
18	Bản Từ Sáng					31	
				Trường Tiểu học Chiềng Ly			
19	Bản Pá Ný			50			
20	Bản Tinh Lá			55			
21	Bản Tịa			55			
X	Xã É Tòng	III	Trường TH - THCS É Tòng	Trường TH-THCS É Tòng	Trường THPT Thuận Châu		
1	Bản Hát Lẹ		10	10	60		
2	Bản Nà Tòng		5,8		59		
3	Bản Nà Lanh		4,8		60		
4	Bản Thẳm Ổn		6,1		65		
5	Bản Huổi Lương		5,9		62		
6	Bản Huổi Lanh		7	7	63		
7	Bản Nà Vàng		9	9	68		
8	Bản Nà Muông				62		
9	Bản Tở				62		
10	Bản Nong Lạnh				64		
11	Bản Nà Hèm				62		
12	Bản Đông Cù				63		
13	Bản Xam Phổng				63		
XI	Xã Mường É	III	Trường Tiểu học Mường É	Trường THCS Mường É	Trường THPT Thuận Châu		
1	Bản Huổi Ái		8	8	26		
2	Bản Pá Khôm		12	12	32		

[illegible]

21	Bản Pá Sàng					13				
22	Bản Ta Tú					10				
23	Bản Bàn Lềm					13				
24	Bản Bàn Kẹ					15				
25	Bản Bàn Lấp					15				
26	Bản Màu Xá					13				
XIII	Xã Mường Bám	III	Trường Tiểu học Mường Bám 1	Trường THCS Mường Bám	Trường THPT Thuận Châu					
1	Bản Cắm Cắn		9	10	69					
2	Bản Pá Sàng		6		69					
3	Bản Pá Ban		6,3		64					
4	Bản Thẩm Đón		9	11	64					
5	Bản Nặm Ún		10	9	69					
6	Bản Bánh Ó		12	14	67					
7	Bản Tư Làng A		17	17	63					
8	Bản Tư Làng B		17	17	69					
9	Bản Hát Pang		18	16	65					
10	Bản Nà Tra		12		68					
11	Bản Nà Pa			7	65					
12	Bản Nà Hát				69					
13	Bản Nà La				65					
14	Bản Bôm Kham				62					
15	Bản Nà Làng				68					
16	Bản Lào				63					
17	Bản Pá Chóng				62					

41	Bản Nà Hát					22	
42	Bản Bản Lào					20	
43	Bản Nà La					19	
44	Bản Nà Làng					23	
45	Bản Nà Cầu					22	
46	Bản Bôm Kham					30	
47	Bản Phèn					25	
XIV	Xã Mường Khiêng	III			Trường THCS Mường Khiêng	Trường THPT Thuận Châu	
1	Bản Bon				9	28	
2	Bản Củ				9,5	27	
3	Bản Hin Lẹp				12,5	28	
4	Bản Hóc				9	26	
5	Bản Hua Sát				9,5	27	
6	Bản Huổi Pản				11,5	27	
7	Bản Lạn				11,5	28	
8	Bản Nhóc				7,5	30	
9	Bản Ổ				9,5	27	
10	Bản Sát				10,5	27	
11	Bản Sinh Lẹp				11,5	28	
12	Bản Thông				8,5	27	
13	Bản Thuận Ôn				9,5	27	
14	Bản Tộn Pợ					27	
15	Bản Khiêng					26	
16	Bản Pục Tứ					27	
17	Bản Phé Hăng					27	
18	Bản Nam					30	

44	Bản Pồng					22	
45	Bản Pục Tún					23	
46	Bản Phế Hằng					24	
47	Bản Sào Và					25	
48	Bản Sát					26	
49	Bản Sinh Lẹp					22	
50	Bản Tộn Pợ					23	
51	Bản Thông					24	
52	Bản Thuận Ôn					25	
XV	Xã Liệp Tè	III	Trường Tiểu học Liệp Tè	Trường THCS Liệp Tè	Trường THPT Thuận Châu		
1	Bản Tát		27	23	42		
2	Bản Chà Lào		20	18	41		
3	Bản Mòng Luông		15	13	40		
4	Bản Mòng Nọi		16	13	40		
5	Bản Ban Xa		10	11	45		
6	Bản Tát Uót		9	8	39		
7	Bản Cang		8	8	39		
8	Bản Co Khét		10	10	39		
9	Bản Ta Mạ		10	10	39		
10	Bản Kia		9	11	39		
11	Bản Bắc		25	24	41		
12	Bản Lụ			14	42		
13	Bản Co Sản			11	40		
14	Bản Co Phường				42		
15	Bản Hiên				40		
				Trường	Trường THPT		

[illegible]

8	Bản Buống Khoang						30		
9	Bản Hiêm						19		
10	Bản Hua Lành						20		
11	Bản Pá Lầu						19		
12	Bản Pù						23		
XVII	Xã Nậm Lầu	III	Trường Tiểu học Nậm Lầu	Trường THCS Nậm Lầu	Trường THPT Thuận Châu				
1	Bản Xanh			14		32			
2	Bản Pài			12		25			
3	Bản Nà Kẹ			15		29			
4	Bản Mỏ			16		26			
5	Bản Nong Ten			13		25			
6	Bản Pa O		20	21		24			
7	Bản Ít Cuông			12		26			
8	Bản Ít Mạn		18	12		25			
9	Bản Ban		30	30		23			
10	Bản Thảm Phé		11	11		22			
11	Bản Huổi Xua		17	17		25			
12	Bản Huổi Kép		14	14		26			
13	Bản Xa Hòn		25	25		36			
14	Bản Nong		5			28			
15	Bản Nậm Lậu		6			32			
16	Bản Nà Há		6			34			
17	Bản Nà Ít		6			35			
18	Bản Lọng Lầu		6			27			
19	Bản Tông		7			35			

44	Bản Thẩm Phé						24		
45	Bản Tổng						25		
46	Bản Xa Hòn						30		
47	Bản Nong Ten					Trường TH-THCS Ninh Thuận	7		
						Trường TH-THCS Pá Lông			
48	Bản Huối Sưa					76			
49	Bản Xanh						Trường THPT Bình Thuận	46	
50	Bản Ít Cuông							40	
51	Bản Lọng Lầu							41	
XVIII	Xã Thôm Mòn				II			Trường THPT Thuận Châu	
1	Bản Chùn				ĐBK			12	
								Trường THPT Tông Lạnh	
2	Bản Lọng Cại				ĐBK			10	
3	Bản Phé				ĐBK			10	
4	Bản Thống Nhất A				ĐBK			10	
5	Bản Thống Nhất B				ĐBK			10	
6	Bản Chùn				ĐBK			10	
XIX	Xã Muối Nội							Trường THPT Thuận Châu	
1	Bản Sảng Sang							25	
2	Bản Thán Sàng							24	
3	Bản Muối Nội							25	

[illegible]

2	Bản Quỳnh Thuận						11	
3	Bản Huổi Tát						12	
4	Bản Nong Lào						12	
5	Bản Hán						12	
XXIII	Xã Nong Lay	III					Trường THPT Thuận Châu	
1	Bản Phiêng Phớ						17	
2	Bản Nong Giảng						22	
3	Bản Huổi Lọng						18	
4	Bản Cửa Hàng						20	
5	Bản Quyết Thắng A						19	
6	Bản Nong Lay						22	
7	Bản Liên Minh						18	
8	Bản Cà Nàng						15	
9	Bản Bó Mạ						18	
10	Bản Quyết Thắng B						22	
11	Bản Búa Co Chạy						20	
							Trường THPT Tông Lạnh	
12	Bản Bó Mạ						10	
13	Bản Búa Co Chạy						11	
14	Bản Cà Nàng						12	
15	Bản Cửa Hàng						10	
16	Bản Huổi Lọng						15	
17	Bản Liên Minh						10	
18	Bản Nong Giảng						12	
19	Bản Nong Lay						10	

3	Bản Nửa					25	
4	Bản Chiềng La		6,5			23	
5	Bản Chiềng Cang					27	
6	Bản Lóm La					30	
7	Bản Nong Lanh					35	
						Trường THPT Bình Thuận	
8	Bản Cát Lót					13	
9	Bản Song					12	
10	Bản Nửa					21	
11	Bản Chiềng La					19	
12	Bản Chiềng Cang					17	
13	Bản Lóm La					17	
14	Bản Nong Lanh					12	
						Trường THPT Tông Lành	
15	Bản Cát Lót					17	
16	Bản Song					14	
17	Bản Nửa					17	
18	Bản Chiềng La					12	
19	Bản Chiềng Cang					15	
20	Bản Lóm La					13	
21	Bản Nong Lanh					12	
XXVI	Xã Púng Tra			III		Trường THPT Thuận Châu	
1	Bản Láng Hặt					13	
						Trường THPT Bình Thuận	

2	Bán Púng A					20	
3	Bán Tra					20	
4	Bán Dòm					22	
5	Bán Nong Ỏ					19	
6	Bán Phạ					22	
7	Bán Púng Mé					23	
8	Bán Lắng Hạt					23	
9	Bán Púng Ten					25	
						Trường THPT Tông Lạnh	
10	Bán Nong Ỏ					11	
11	Bán Púng A					12	
12	Bán Púng Ten					13	
13	Bán Púng Mé					14	
14	Bán Phạ					15	
15	Bán Lắng Hạt					13	
16	Bán Tra					11	
17	Bán Dòm					13	
XXVII	Xã Chiềng Pha	III	Trường Tiểu học Chiềng Pha				
1	Bán Quỳnh Thuận		4,6				
2	Bán Huồi Tát		6,7				
3	Bán Nong Lào		4,2				
4	Bán Hán		6,5				
XXVIII	Xã Chiềng Khoang, Quỳnh Nhai	I				Trường THPT Bình Thuận	
1	Bán Hậu	ĐBKK				14	

I	Xã Chiềng Cang	III	Trường TH Chiềng Cang	Trường THCS Chiềng Cang	Trường THPT Chiềng Khương	
1	Bản Huổi Dáng		5	18	25	
2	Bản Pá Nố			18	27	
3	Bản Nhọt Có		4	19	28	
4	Bản Co Tòng		10	15	21	
5	Bản Huổi Tao			10	18	
6	Bản Ít Lót		14	14,5	23	
7	Bản Hua Tát		7	12	23	
8	Bản Nà Bon			7	18	
9	Bản Thón			8	17	
10	Bản Có			8	15	
11	Bản Nhạp			8	19	
12	Bản Cang			7	14	
13	Bản Tre			8	18	
14	Bản Tin Tát			8	19	
15	Bản Mỏ				11	
16	Bản Nà Tý				11	
17	Bản Ta Tạng				10	
18	Bản Huổi Cuổng				17	
19	Bản Chiềng Cang				13	
20	Bản Bó Lạ				16	
21	Bản Nà Hỳ				14	
22	Bản Cù				12	
23	Bản Bằng Lặc				13	
24	Bản Trung Châu				18	

25	Bản Hát Sét						16	
26	Bản Anh Dũng						14	
27	Bản Huổi So						10	
28	Bản Trung Dũng						15	
29	Bản Kiến Lâm						12	
30	Bản Tiên Cang						10	
							Trường THPT Sông Mã	
31	Bản Nhạp						14	
32	Bản Trung Châu						15	
33	Bản Huổi Cuổng						16	
34	Bản Hát Sét						17	
35	Bản Trung Dũng						18	
36	Bản Anh Dũng						19	
37	Bản Kiến Lâm						20	
38	Bản Chiềng Cang						22,5	
39	Bản Bằng Lặc						24	
40	Bản Nà Hỳ						25	
41	Bản Bó Lạ						28	
42	Bản Nà Bon						29	
43	Bản Tre						30	
44	Bản Tìn Tát						31	
45	Bản Hua Tát						34	
46	Bản Ít Lót						35,5	
47	Bản Pá Nỏ						40	
48	Bản Nhọt Có						41	
49	Bản Huổi Dáng						40	

11	Bản Huỗi Hìn				11	20	
12	Bản Bua Hìn				10	22	
13	Bản Cương Chính				7,5	14	
14	Bản Trung Dũng				7	14	
15	Bản Co Kướm				7	15	
16	Bản Nà Ngần				7,1	15	
17	Bản Pho					13	
18	Bản Lúa					13	
19	Bản Phiêng Hoi					14	
20	Bản Nà Ái					14	
21	Bản Kéo					13	
22	Bản Phiêng Pỉnh					14	
23	Bản Cát					11,5	
24	Bản Phiêng Luon					10,1	
25	Bản Nà Nồng					12,5	
26	Bản Nà Hứa					12,5	
27	Bản Còi					13,5	
28	Bản Hát So					13,5	
29	Bản Nà Cầm					12	
30	Bản Quỳnh Long					14	
31	Bản Huỗi					30	
32	Bản Phiêng Pên					15	
33	Bản Đội Sáu					13	
34	Bản Mường Hung					11	
35	Bản Hong Dồm					12	
36	Bản Yên Sơn					12	

62	Bản Huối						26	
63	Bản Hát 8						26	
64	Bản Co Kướm						27	
65	Bản Co Tra						28	
66	Bản Hát So						24	
67	Bản Còi						26	
68	Bản Quỳnh Long						26	
69	Bản Huối Hìn						34	
70	Bản Om						18	
71	Bản Bua Hìn						30	
72	Bản Phiêng Lươn						22	
73	Bản Nà Lúa						24	
74	Bản Mường Tợ						23	
75	Bản Áng						23	
76	Bản Huối Khôm						30	
77	Bản Nà Nồng						25	
78	Bản Bua Xá						30	
79	Bản Phiêng Pênh						25	
80	Bản Nà Hứa						25	
81	Bản Lọng Niếng						24	
82	Bản Phiêng Nghiu						29	
III	Xã Mường Cai	III	Trường TH Mường Cai	Trường PTDTBT THCS Mường Cai	Trường THPT Chiềng Khương			
1	Bản Co Bay		11	7			22	
2	Bản Háng Lìa		15	15			40	
3	Bản Phiêng Piềng		14	20			50	
4	Bản Sài Khao		17	22			55	

29	Bản Xĩa Kĩa (Sải Kĩa)					47	
30	Bản Nà Kham					30	
IV	Xã Mường Sai	III	Trường PTDTBT TH&THCS Mường Sai	Trường PTDTBT TH&THCS Mường Sai	Trường THPT Chiềng Khương		
1	Bản Co Đũa		14	13	25		
2	Bản Tin Tóc		10	9	23		
3	Bản Lọng Lót		8	7	17		
4	Bản Nong Phạ		10	11	21		
5	Bản Kỳ Ninh				22		
6	Bản Nà Hồ (bản Nà Hồ và bản Buôm Ban)				15		
7	Bản Nà Un Ngoài				13		
8	Bản Ổ				10		
9	Bản Sai				11		
10	Bản Tiên Chung				10		
11	Bản Púng Cầm				13		
12	Bản Tân Hồng				16		
13	Bản Nà Un Trong				12		
					Trường THPT Sông Mã		
14	Bản Nong Phạ				54		
15	Bản Ổ				42		
16	Bản Tiên Chung				43		
17	Bản Sai				44		
18	Bản Púng Cầm				45,5		
19	Bản Tin Tóc				50		
20	Bản Nà Hồ				47		
21	Bản Nà Un Trong				48		

5	Bản Bom Phung (Bản Pom Phung)		12	12	15	
6	Bản Ngụ Hẩu		11	11	14	
7	Bản Quyết Tâm		4			
8	Bản Huối Lù (Huối Sắng + Nà Lù)			7		
9	Bản Nậm Ún (Co Mạ + Nậm Ún + Co Phèn)			8	10	
10	Bản Phiêng Pòng			7,8	11	
11	Bản Co Phường			10	10	
12	Bản Mế Bon (bản Mế, Bản Bon)			8	11	
13	Bản Lươi Là (bản Là Nà và bản Nà Lươi)			9	12	
14	Bản Nà Pàn			7		
15	Bản Nà Pàn II			7,5		
16	Bản Co Tòng			7	11	
17	Bản Huối Cói				10	
18	Bản Tiên Phong				10	
19	Bản Xum Côn			7,5		
20	Bản Ten U', xã Chiềng Sơ		14	14		
VII	Xã Chiềng Khoang	III	Trường TH Chiềng Khoang	Trường THCS Chiềng Khoang	Trường THPT Sông Mã	
1	Bản Lụng Quai		10	10	19	
2	Bản Bó Chạy		15	15	16	
3	Bản Búa Cóp		10	10	16	
4	Bản Nà Ngập		8	8	19	
5	Bản Hồng Nam		4,5		14	
6	Bản Pìn		4		13	
7	Bản Hua Na		4			
8	Bản C5 (Đội 5)		5,8			
9	Bản Bó Luông		5,8		12	

10	Bản Xi Lô				7	17		
				Trường TH Hải Sơn				
11	Bản Nậm Sỏi			5,3	8	16,2		
12	Bản Ta Bay			5,7	13	17		
13	Bản Huổi Mòn			4,5	16	24		
14	Bản Pá Ban			8	9	16		
15	Bản Bướm Ồ				11	14		
16	Bản Co Săn				9	10		
17	Bản Co Tòng				8	10		
18	Bản Pá Bông				7			
19	Bản Nộc Kỷ				12	15		
20	Bản Lán Lanh				11	19		
21	Bản Pá Có					10		
22	Bản Bon					13		
23	Bản Đứa Muội					13		
24	Bản Chiềng Còi					12		
25	Bản Bó Quỳnh					14		
26	Bản Ất Lốc					14		
27	Bản Co Hay					12		
28	Bản Pá Khôm					13		
29	Bản Chiên					13		
30	Bản Mòn					14,2		
31	Bản Tân Hưng					12		
32	Bản Lè					11		
33	Bản Lướt					10		
34	Bản Phiềng Xim					11		

35	Bản Huối Xim						13	
36	Bản Huối Bó						13	
37	Bản Huối Hào						14	
38	Bản Co Phen						12	
39	Bản Huối Khoong						12,5	
40	Bản Bó Sắn						16,3	
41	Bản Đội 3						12,5	
							Trường THPT Chiềng Khương	
42	Bản Hải Sơn						25	
43	Bản Lè						24	
44	Bản Khong Tở						20	
45	Bản Lướt						20	
46	Bản Mòn						23	
47	Bản Pìn						20	
48	Bản Chiên						20	
49	Bản Púng						20	
50	Bản Cang						19	
51	Bản Huối Hào						19	
52	Bản Hát Lay						19	
53	Bản Pá Bông						20	
54	Bản Liên Phương						25	
55	Bản Hồng Lam (Bản Hồng Nam)						30	
56	Bản Xi Lô						14	
57	Bản Hoàng Mã						23	
58	Bản Púng Kiếng						30	
59	Bản C5 (Đội 5)						25	

60	Bản Bướm Ô						13		
61	Bản Huổi Bó						20		
62	Bản Huổi Môn						24		
63	Bản Co Phen						23		
64	Bản Nà Ngập						11		
65	Bản Bó Sắn						20		
66	Bản Co Sắn						20		
67	Bản Tân Hưng						20		
68	Bản Huổi Nóng						23		
69	Bản Hua Na						20		
70	Bản Đưa Muội						18		
71	Bản Bó Luông						23		
72	Bản Bó Quỳnh						18		
73	Bản Lán Lanh						24		
74	Bản Đồi 3						20		
75	Bản Lũng Quai						12		
76	Bản Ta Bay						14		
77	Bản Huổi Xim						20		
78	Bản Bó Chay						15		
79	Bản Phiêng Xim						24		
80	Bản Co Tông						20		
81	Bản Lọc Kỳ						25		
82	Bản Bon						17		

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com